

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS-ST
Ngày: 25 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Lê Ngọc S, sinh năm 1983, tại Thành phố H; nơi cư trú: 72/3 Đông Hồ, phường 4, quận 8, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; họ tên cha: Phạm Ngọc T, sinh năm 1958 (chết); họ tên mẹ: Lê Ngọc L, sinh năm 1963; vợ tên Nguyễn Trần Thụy Yến V, sinh năm 1980 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang ngày 01/9/2021, bị tạm giữ từ ngày 01/9/2021, đến ngày 10/9/2021 bị tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Người làm chứng: Ông Huỳnh Quốc Ph, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Lê Ngọc S bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2019. Loại ma túy mà S sử dụng là Methamphetamine (ma túy đá). Khoảng đầu tháng 8 năm 2021, Sơn

đến địa bàn quận 4, Thành phố H mua của một người nam thanh niên không rõ nhân thân lai lịch 01 gói ma túy với giá 3.000.000 đồng. Sau đó, Sơn đem về nhà tại ấp R, xã Th, huyện D cất giấu trong nhà vệ sinh để sử dụng dần. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/9/2021, khi đang sử dụng ma túy tại nhà thì bị Công an xã Th phối hợp cùng Công an huyện D phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời thu giữ các vật chứng gồm: 01 (Một) gói nylon miệng kéo dính, bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 (Một) bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy tự chế.

Ngày 01/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ra Quyết định trưng cầu giám định số 169/QĐ trưng cầu Tổ chức giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình D để giám định chất ma túy.

Kết luận giám định số 590/MT-PC09 ngày 09/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7543 gam, loại Methamphetamine.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 13/CT- VKSDT- HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B truy tố bị cáo Phạm Lê Ngọc S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Lê Ngọc S từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng đề nghị xử lý như sau:

Đối với bì thư được niêm phong ghi số: 590/PC09. Có chữ ký của Nguyễn Hoàng Nam (bên giao), Phạm Lê Ngọc S (người chứng kiến), chữ ký Đặng Hải Sơn (cán bộ niêm phong), chữ ký Nguyễn Nhứt ải (Điều tra viên), chữ ký Lê Đình Hùng (Phó trưởng Công an xã Th), hình dấu đỏ của Công an xã Th và hình dấu đỏ niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B. Khối lượng mẫu vật niêm phong: M=0,3835 gam (là ma túy, loại Methamphetamine); 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế. Xét thấy, đây là tang vật của vụ án, đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với người đàn ông tên L có hành vi bán trái phép chất ma túy cho S. Quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch nên không xử lý.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lời khai và trình bày của bị cáo như sau: Bị cáo S khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Quá trình truy tố và tại phiên tòa, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận giám định cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, là tệ nạn bị xã hội lên án, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm chấp hành án xong, cố gắng trở thành người tốt, người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Những yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 01/9/2021, tại nhà riêng thuộc ấp R, xã Th, huyện Dầu Tiếng, tỉnh B, Phạm Lê Ngọc S có hành vi cất giấu trái phép 0,7543 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng.

Kết luận giám định số 590/MT-PC09 ngày 09/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7543 gam, loại Methamphetamine (Bút lục số 46). Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, số thứ tự 323 của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về các danh mục chất ma túy và tiền chất bị hạn chế sử dụng và cấm sử dụng.

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số 13/CT- VKSDT- HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B và kết luận của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, mức độ lỗi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng với trọng lượng nêu trên của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự độc

quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Ma túy là chất gây nghiện có tác hại xấu cho sức khỏe của người sử dụng; làm ảnh hưởng đến nòi giống, làm khánh kiệt về kinh tế, chính ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác và làm lây lan, truyền nhiễm nhiều loại bệnh dịch nguy hiểm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp hậu quả thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Trước thời điểm phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và xử phạt mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Sơn là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bì thư được niêm phong ghi số: 590/PC09 có hình dấu đỏ của Công an xã Th và hình dấu đỏ niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B. Khối lượng mẫu vật niêm phong: M= 0,3835 gam (là ma túy, loại Methamphetamine) là khối lượng sau giám định; 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế. Xét đây là tang vật của vụ án, thuộc loại cấm tàng trữ, sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Các vấn đề khác có liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông tên L có hành vi bán trái phép chất ma túy cho S. Quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch nên không xử lý.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, căn cứ điều luật, mức hình phạt và xử lý vật chứng đối với bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm a Khoản 1 Điều 46; Điểm c Khoản 1 Điều 47; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Lê Ngọc S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Lê Ngọc S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số: 590/PC09, có chữ ký của Nguyễn Hoàng Nam (bên giao), Phạm Lê Ngọc S (người chứng kiến), chữ ký Đặng Hải Sơn (cán bộ niêm phong), chữ ký Nguyễn Nhứt Ai (Điều tra viên), chữ ký Lê Đình Hùng (Phó trưởng Công an xã Th), hình dấu đỏ của Công an xã Th và hình dấu đỏ niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B. Khối lượng mẫu vật niêm phong: M=0,3835 gam (là ma túy, loại Methamphetamine); 01 (một) bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B).

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo Phạm Lê Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2022)./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh B;
- Công an huyện D;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- UBND phường 4, quận 8, Thành phố H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2022/TB - TA

D, ngày 30 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B có lỗi chính tả cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Về nội dung tại trang số 5 dòng số 12 từ trên xuống của bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi “*Xử phạt bị cáo Phạm Lê Ngọc S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2021*”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “*Xử phạt bị cáo Phạm Lê Ngọc S 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2021*”

Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm nêu trên không thay đổi.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh B;
- Công an huyện D;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- UBND phường 4, quận 8, Thành phố H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng

